TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ước;

2. Ông Păng Ting Nốck.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ *tham gia phiên tòa:* Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2018 về tranh chấp "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Tố L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, thôn L, xã X, thành phố Đ.

Bị đơn: Ông **Đặng Văn N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, thôn L, xã X, thành phố Đ.

(Bà L có mặt; ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố Đ vào ngày 24/7/2000. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: Tổ A, thôn L,

xã X, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N gia trưởng, thường xuyên đánh đập bà L, làm ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như tinh thần của các con. Vợ chồng hiện nay tuy vẫn sống chung nhưng tình cảm đã không còn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 20/02/2001 và cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 25/10/2006. Hiện đang sống cùng bà L và ông N. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai thì bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà Ngô Thị Tố L kết hôn năm 2000, tại Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố Đ. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: Đường T, Phường K, thành phố Đ. Sau đó chuyển về địa chỉ: Tổ A, thôn L, xã X. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L làm ăn, buôn bán thua lỗ kéo dài, vợ chồng thường xuyên cải vã. Có lần bà L không tôn trọng ông nên trong lúc nóng giận ông N có tát bà L, hiện nay vợ chồng vẫn sống chung. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông N cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Tấn Lộc, sinh ngày: 20/02/2001 và cháu Đặng Quỳnh Như, sinh ngày: 02/10/2006. Hiện đang ở cùng ông N và bà L. Khi ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của các con. Trường hợp các con chung muốn ở với ông N thì ông N không đề nghị bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Về nội dung giải quyết vụ án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Tố L về việc xin ly hôn ông

Đặng Văn N. Về con chung giao cho bà L trực tiếp nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành, ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị Tố L có mặt; Bị đơn là ông Đặng Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà L, ông N có đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N gia trưởng, thường xuyên đánh đập bà L, làm ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như tinh thần của các con; ông N thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L làm ăn, buôn bán thua lỗ kéo dài, vợ chồng thường xuyên cải vã và có lần bà L không tôn trọng ông nên trong lúc nóng giận ông N có tát bà L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông N là có xảy ra trên thực tế và qua lời khai con chung cũng thể hiện vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hơn nữa bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông N cũng đồng ý ly hôn nhưng không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, có kéo dài cuộc sống chung thì vợ chồng cũng không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 20/02/2001 và cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 25/10/2006, cháu N và cháu L hiện đang sống cùng bà L và ông N, bà L yêu cầu được nuôi 02 con chung còn ông N đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con. Cháu Như và cháu Lộc đều có nguyện vọng được ở với bà L nên giao cháu N và cháu L cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Do giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà L, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà L, ông N xác định không có nên không xét đến.

[6] Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định. Buộc ông N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Tố L về việc "Xin ly hôn" ông Đặng Văn N**;**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Tố L và ông Đặng Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc giao con chung là cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 20/02/2001 và cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 25/10/2006 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông N phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 01/10/2018.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Tố L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008130 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ (bà L đã nộp đủ).

Buộc ông Đặng Văn N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND Phường L, Tp Đ;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Báu